

# GIỚI THIỆU LUẬT CỘNG HÒA SÁT BIÊN VIỆT NAM

*ThS. Trần Tuấn Duy<sup>(\*)</sup>*

## 1. Sơ lược thi t pháp i ban hành

Sau 20 năm ban hành Pháp lệnh về Công nghiệp Sát biên Việt Nam, Công nghiệp Sát biên Việt Nam đã có những đóng góp không nhỏ trong bảo vệ lợi ích quốc gia; bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán; bảo đảm an ninh trật tự, an toàn trên biên giới; góp phần thúc đẩy hình thức Việt Nam là quốc gia có trách nhiệm giữ gìn an ninh, hòa bình quốc tế; mong muốn giữ gìn các tranh chấp trên biên giới một cách hữu nghị, hòa bình, trên cơ sở tôn trọng pháp luật quốc tế.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực, Pháp lệnh Công nghiệp Sát biên Việt Nam cũng bộc lộ một số hạn chế: (i) Chưa quy định về chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia cho lãnh thổ Công nghiệp Sát biên Việt Nam. (ii) Chưa quy định về sự phân định giữa Công nghiệp Sát biên với các lãnh thổ chủ quyền khác làm nhiệm vụ trên biên giới như hải quân, hải quan, kiểm soát, biên phòng, dân quân tự vệ biên giới, thanh tra hàng hải. (iii) Chưa quy định về phạm vi hoạt động ngoài vùng biên giới Việt Nam. Bên cạnh đó, nhiều văn bản quy định pháp luật, bảo vệ biên giới, bao gồm các Quy chế ban hành, tiêu biểu như Luật Biên giới Việt Nam năm 2012, Luật xử lý vi phạm hành chính 2012, Luật bảo vệ môi trường 2013, Luật thi quan 2014, Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự 2015... đã có nhiều quy định liên quan tới chủ quyền, nhiệm vụ của Công nghiệp Sát biên Việt Nam; do vậy, phạm vi bảo vệ tính thống nhất về các văn bản quy định pháp luật ban hành, công tác xây dựng Luật Công nghiệp Sát biên nhằm tăng cường hiệu quả quản lý, bảo vệ vùng biên giới và triển khai hiệu quả quy định của các luật pháp chuyên ngành. Vì vậy, việc ban hành Luật Công nghiệp Sát biên Việt Nam là cần thiết trong bối cảnh hiện nay.<sup>1</sup>

---

<sup>(\*)</sup> Phó Trưởng khoa Luật, Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh

<sup>1</sup> Nguyễn Phụng Thọ (2018), *Luật Công nghiệp Sát biên Việt Nam - Cần thiết pháp i ban hành trong bối cảnh hiện nay*, Trang Thông tin internet Tổng hợp Ban Nội chính Trung ương, ngày 29/5/2018.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 6 đã thông qua Luật Cảnh sát biển Việt Nam số 33/2018/QH14. Luật Cảnh sát biển có 8 chương, 41 điều, quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của Cảnh sát biển Việt Nam; chức năng, chính sách đối với Cảnh sát biển Việt Nam; trách nhiệm của các quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Luật chính thức có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2019 thay thế cho Pháp lệnh Lệnh Cảnh sát biển Việt Nam số 03/2008/PL-UBTVQH12 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

## **2. Mục tiêu nội dung cơ bản của Luật Cảnh sát biển Việt Nam**

### **2.1. Sơ lược về lịch sử Cảnh sát biển Việt Nam**

Cảnh sát biển Việt Nam là lực lượng vũ trang nhân dân, làm nhiệm vụ thực thi pháp luật và bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn trên biển. Hệ thống tổ chức của Cảnh sát biển Việt Nam bao gồm: Bộ Tổng Lãnh Cảnh sát biển Việt Nam; Bộ Tổng Lãnh Vùng Cảnh sát biển và các đơn vị trực thuộc Bộ Tổng Lãnh Cảnh sát biển Việt Nam; đơn vị chuyên môn.

Công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên, có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe, lý lịch rõ ràng và tình nguyện phục vụ lâu dài; có văn bằng, chứng chỉ chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ, có kiến thức phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ thì tiêu chuẩn tuyển chọn vào Cảnh sát biển Việt Nam.

Cảnh sát biển Việt Nam có chức năng tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành theo thẩm quyền hoặc xuất viện, Nhà nước chính sách, pháp luật bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn trên biển; bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trong vùng biển Việt Nam; quản lý về an ninh, trật tự, an toàn và bảo vệ môi trường pháp luật Việt Nam, điều chỉnh quốc tế mà Việt Nam là thành viên, tham gia thực hiện theo thẩm quyền.

Cảnh sát biển Việt Nam tổ chức lãnh đạo tuy tập thể, trực tiếp về mặt tổ chức của Công an Việt Nam, sự thống nhất của Chính quyền, sự thống nhất quản lý nhà nước của Chính phủ và sự chỉ đạo, chỉ huy trực tiếp của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Cảnh sát biển Việt Nam có tổ chức tập trung, thống nhất theo

phân cấp từ Bộ Tổng Lãnh Sự Cảnh sát biển Việt Nam đến các cấp xã. Cảnh sát biển Việt Nam kết hợp nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền, quy hoạch vùng, quy hoạch tài phán quốc gia, quản lý an ninh, trật tự, an toàn trên biển và phát triển kinh tế biển.

Ngày truyền thống của Cảnh sát biển Việt Nam là ngày 28 tháng 8 hàng năm. Tên giao dịch quốc tế của Cảnh sát biển Việt Nam là Vietnam Coast Guard. Tàu thuyền, máy bay và các phương tiện khác của Cảnh sát biển Việt Nam có màu sắc, chữ viết, phù hiệu và dấu hiệu nhận biết riêng. Khi làm nhiệm vụ, tàu thuyền phải treo quốc kỳ Việt Nam và cờ hiệu Cảnh sát biển Việt Nam.

## **2.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát biển Việt Nam**

### *2.2.1. Nhiệm vụ của Cảnh sát biển Việt Nam*

- Thu thập thông tin, phân tích, đánh giá, đ. báo tình hình xu hướng, diễn biến, giải pháp, phương án bảo vệ an ninh quốc gia và thực thi pháp luật trên biển; nghiên cứu, phân tích, đ. báo, tham mưu với cấp có thẩm quyền ban hành chính sách, pháp luật về bảo vệ chủ quyền, quy hoạch vùng, quy hoạch tài phán quốc gia, an ninh quốc gia trong vùng biển Việt Nam, bảo đảm trật tự, an toàn và xử tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật trên biển.

- Bảo vệ chủ quyền, quy hoạch vùng, quy hoạch tài phán quốc gia, an ninh, lợi ích quốc gia, dân tộc; bảo vệ tài nguyên, môi trường biển; bảo vệ tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp của các quan, tổ chức, cá nhân trên biển.

- Xử tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn trên biển; tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn và tham gia khắc phục hậu quả môi trường biển.

- Tham gia xây dựng cơ sở phòng, an ninh và xử lý các tình huống quốc phòng, an ninh trên biển.

- Thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Tiếp nhận, sơ tán nhân lực, tàu thuyền và phương tiện, thiết bị kỹ thuật dân sự cứu hộ cứu nạn tham gia bảo vệ chủ quyền, quy hoạch vùng, quy hoạch tài phán quốc gia trong vùng biển Việt Nam.

- Th c hi n h p tác qu c t trên c s i u c qu c t mà Vi t Nam là thành viên và th a thu n qu c t liên quan n ch c n ng, nhi m v , quy n h n c a C nh sát bi n Vi t Nam.

### *2.2.2. Quy n h n c a C nh sát bi n Vi t Nam*

- Tu n tra, ki m tra, ki m soát ng i, tàu thuy n, hàng hóa, hành lý trong vùng bi n Vi t Nam.

- c s d ng v khí, v t li u n và công c h tr theo quy nh.

- S d ng ph ng ti n, thi t b nghi p v theo quy nh.

- X lý vi ph m hành chính theo quy nh c a pháp lu t.

- Ti n hành m t s ho t ng i u tra hình s .

- Truy u i tàu thuy n vi ph m pháp lu t trên bi n.

- Huy ng ng i, tàu thuy n và ph ng ti n, thi t b k thu t dân s c a c quan, t ch c, công dân Vi t Nam trong tr ng h p kh n c p.

- ngh t ch c, cá nhân n c ngoài ho t ng trong vùng bi n Vi t Nam h tr , giúp trong tr ng h p kh n c p.

- B t gi tàu bi n theo quy nh c a pháp lu t.

## **2.3. H p tác qu c t c a C nh sát bi n Vi t Nam**

### *2.3.1. Nguyên t c h p tác qu c t*

Th c hi n h p tác qu c t trên c s tuân th pháp lu t Vi t Nam, i u c qu c t mà Vi t Nam là thành viên và th a thu n qu c t ; tôn tr ng nguyên t c c b n c a pháp lu t qu c t ; b o m c l p, ch quy n, quy n ch quy n, quy n tài phán qu c gia; b o v l i ích qu c gia, dân t c, quy n và l i ích h p pháp c a c quan, t ch c, cá nhân trên bi n. ng th i, phát huy s c m nh n i l c và s ng h , giúp c a c ng ng qu c t , b o m th c thi pháp lu t trên bi n.

### *2.3.2. N i dung h p tác qu c t*

- Phòng, ch ng c p bi n, c p có v trang ch ng l i tàu thuy n.

- Phòng, ch ng t i ph m ma túy, mua bán ng i, mua bán v khí trái phép, kh ng b , ho t ng xu t c nh, nh p c nh b t h p pháp, buôn bán, v n chuy n hàng hóa trái phép qua biên gi i, khai thác h i s n b t h p pháp.

- Phòng, ch ng ô nhi m và phòng ng a, ng phó, kh c ph c s c môi tr ng bi n; ki m soát b o t n các ngu n tài nguyên bi n; b o v a d ng sinh h c và h sinh thái bi n; phòng, ch ng, c nh báo thiên tai; h tr nhân o, ng phó th m h a; tìm ki m, c u h , c u n n trên bi n.

- ào t o, b i d ng, t p hu n, trao i kinh nghi m, chuy n giao trang b , khoa h c và công ngh t ng c ng n ng l c c a C nh sát bi n Vi t Nam.

### 2.3.3. Hình th c h p tác qu c t

- Trao i thông tin v an ninh, tr t t , an toàn trên bi n.

- T ch c ho c tham d h i ngh , h i th o qu c t v an ninh, tr t t , an toàn và th c thi pháp lu t trên bi n.

- Tham gia ký k t th a thu n qu c t v i l c l ng ch c n ng c a qu c gia khác, t ch c qu c t .

- Ph i h p tu n tra, ki m tra, ki m soát gi gìn an ninh, tr t t , an toàn và b o m ch p hành pháp lu t trên bi n.

- Tham gia di n t p, hu n luy n; t ch c ón, th m xã giao l c l ng th c thi pháp lu t trên bi n c a các qu c gia khác.

- Th c hi n các ho t ng c a c quan th ng tr c, c quan u m i liên l c c a Vi t Nam.

## 2.4. Ph i h p ho t ng gi a C nh sát bi n Vi t Nam v i c quan, t ch c, l c l ng ch c n ng

### 2.4.1. Ph m vi ph i h p

C nh sát bi n Vi t Nam ch trì, ph i h p v i c quan, t ch c, l c l ng ch c n ng thu c B , c quan ngang B , y ban nhân dân c p t nh th c hi n nhi m v , quy n h n c a C nh sát bi n Vi t Nam.

Bên trong Bộ Quy định quy định về công nghiệp và Công nghiệp Việt Nam và các lĩnh vực thuộc Bộ Quy định.

#### 2.4.2. Nội dung chính

- Trao đổi thông tin, tài liệu; xuất khẩu và nhập khẩu quy định pháp luật.
- Bảo vệ an ninh quốc gia, chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia trên biển.
- Bảo vệ tài nguyên, môi trường biển; bảo vệ tài sản của Nhà nước, tổ chức, cá nhân; tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của cá nhân hoạt động hợp pháp trên biển.
- Kiểm tra, kiểm soát, kiểm soát giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn trên biển; phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh chống tội phạm, vi phạm pháp luật; đấu tranh, phòng, chống cướp biển, cướp có vũ trang chống lại tàu thuyền.
- Phòng, chống thiên tai; tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn và ứng phó, khắc phục sức khỏe môi trường biển.
- Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cán bộ, chỉ huy Cảnh sát biển Việt Nam; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho Nhân dân.
- Thực hiện hợp tác quốc tế.

### 3. Kết luận

Luật Cảnh sát biển Việt Nam ra đời đã góp phần rất lớn vào quá trình giữ gìn, bảo vệ chủ quyền biển đảo và thực thi pháp luật trên biển của Việt Nam. Luật được ban hành trên cơ sở kết quả, phát triển từ Pháp lệnh lĩnh vực Cảnh sát biển Việt Nam và có bổ sung nhiều quy định mới và thực hiện hóa các quan điểm, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước. Luật Cảnh sát biển Việt Nam đã tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho lĩnh vực Cảnh sát biển Việt Nam thực thi tốt hơn nữa chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình./.